

Giải quyết tranh chấp quyền sáng chế tại Việt Nam: KINH NGHIỆM TỪ HOA KỲ

Đỗ Thị Minh Thủy

Thanh tra Bộ KH&CN

Trên cơ sở phân tích, so sánh quy trình giải quyết tranh chấp sáng chế của Hoa Kỳ và Việt Nam, tác giả đề xuất một số giải pháp theo hướng tạo lập một cơ chế giải quyết tranh chấp về sáng chế tại Việt Nam với các quy định hợp lý, vừa đảm bảo quyền lợi của chủ sở hữu, vừa đảm bảo sự hài hòa lợi ích của cộng đồng.

Cơ chế giải quyết tranh chấp quyền đối với sáng chế tại Việt Nam

Pháp luật Việt Nam không có quy định riêng về giải quyết tranh chấp xảy ra trong quá trình khai thác, sử dụng sáng chế. Khi có cơ sở để cho rằng sáng chế được bảo hộ đang bị xâm phạm bởi một tổ chức/cá nhân, chủ sở hữu sáng chế có thể tiến hành thực thi quyền đối với sáng chế được bảo hộ theo quy định chung dành cho các đối tượng sở hữu trí tuệ tại Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ 2005. Về mặt pháp lý, khi tranh chấp trong quá trình sử dụng sáng chế xảy ra, chủ thể quyền có thể giải quyết theo 1 trong 2 hướng: 1- Khởi kiện ra tòa án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình (được biết đến là “biện pháp dân sự”); 2- Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm (được biết đến là “biện pháp hành chính”).

Biện pháp hành chính: cơ chế hành chính được áp dụng khá thường xuyên để giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ nói chung, sáng chế nói riêng. Biện pháp này được nhắc đến với cụm từ “xử lý xâm phạm quyền”, là một cách thức đặc thù của Việt Nam. Đây đang là sự lựa chọn ưu tiên của chủ thể quyền sáng chế vì các chủ thể quyền có thể nhanh chóng

đạt được mục đích là buộc bên bị cáo chấm dứt hành vi vi phạm. Tuy các chủ thể sáng chế cho rằng chế tài hành chính còn quá nhẹ, chưa đủ sức răn đe, nhưng lại khá thờ ơ trong việc tiến hành khởi kiện dân sự để yêu cầu áp dụng chế tài mạnh hơn đối với bên vi phạm.

Biện pháp dân sự: pháp luật Việt Nam không có quy định riêng về trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp liên quan đến sáng chế. Theo Khoản 2 Điều 29 và Khoản 1 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp xảy ra trong quá trình khai thác và sử dụng sáng chế vì mục đích lợi nhuận là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm tại tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Kháng cáo bản án sơ thẩm đối với tranh chấp về sáng chế (nếu có) được giải quyết theo trình tự chung dành cho kháng cáo các bản án dân sự được giải quyết bởi tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, trên thực tế dường như có rất ít tranh luận về việc liệu áp dụng trình tự như của Bộ luật Tố tụng dân sự trong giải quyết tranh chấp quyền sáng chế có phù hợp? Trong khi các chủ sở hữu sáng chế cho rằng cơ chế khởi kiện dân sự hiện tại còn rườm rà, tốn kém và ít hiệu quả, thì cơ quan quản lý nhà

nước lại chưa nhận thấy sự cấp thiết phải quy định riêng hoặc hoàn thiện cơ chế để giải quyết tranh chấp sáng chế.

Phân tích những hạn chế trong giải quyết tranh chấp quyền sáng chế tại Việt Nam từ kinh nghiệm của Hoa Kỳ

Trong khi cơ chế giải quyết tranh chấp xảy ra trong quá trình sử dụng, khai thác sáng chế tại Hoa Kỳ rất phức tạp, thì quy định pháp lý cũng như thực tiễn giải quyết vấn đề này ở Việt Nam lại quá đơn giản; đặc biệt là phương thức xử lý xâm phạm bằng biện pháp hành chính cần được xem xét. Việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính là bắt buộc theo cam kết khi Việt Nam gia nhập WTO (năm 2007). Tuy cơ chế này đã có những đóng góp tích cực trong việc đảm bảo quyền lợi cho chủ sở hữu, nhưng vẫn chưa có sự hài hòa đúng mức với lợi ích cộng đồng. Do vậy, cơ chế xử lý xâm phạm quyền sáng chế vẫn đang khiến Việt Nam chịu thiệt đơn thiệt kép. Dưới đây là những phân tích cụ thể:

Về chi phí giải quyết tranh chấp

Ở Hoa Kỳ, việc xử lý một vụ kiện xâm phạm quyền sáng chế là hết sức phức tạp và tốn kém. Chi phí tối thiểu cho một vụ kiện là 650 nghìn

USD, sẽ tăng tỷ lệ thuận với mức bồi thường mà nguyên đơn đưa ra, thường chiếm 20% giá trị tranh chấp. Ví dụ, nguyên đơn yêu cầu từ 1 đến 25 triệu USD thì chi phí này vào khoảng 2,5 triệu USD; và nếu yêu cầu trên 25 triệu USD thì chi phí cho vụ kiện sẽ không dưới 5,5 triệu USD. Chi phí cao khiến chủ sở hữu sáng chế phải cẩn trọng khi quyết định nộp đơn khởi kiện ra tòa, cũng như yêu cầu mức bồi thường thiệt hại. Do vậy, trong quá trình tố tụng các bên đều nỗ lực thỏa thuận để kết thúc sớm vụ việc. Con số thống kê chỉ có dưới 5% các vụ tranh chấp về quyền sáng chế mà tòa án đã thụ lý được đưa ra xét xử sơ thẩm cho thấy tính chủ động trong giải quyết tranh chấp của các bên.

Trong khi tại Việt Nam, các quy định về án phí theo Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vẫn chưa thực sự phù hợp cho việc giải quyết xâm phạm quyền sáng chế. Trên văn bản, mức án phí sơ thẩm đối với các vụ án này giảm từ 5% xuống 2%, tỷ lệ nghịch với giá trị tăng dần của tranh chấp, cũng khác xa so với thực tế chi phí cho vụ kiện tại Hoa Kỳ. Điều đáng lo ngại là, Nhà nước vẫn đang phải chịu toàn bộ chi phí cho việc xử lý xâm phạm quyền bằng biện pháp hành chính (bao gồm từ chi phí bộ máy, nhân lực, vật lực để xử lý vi phạm, chi phí cho việc vận chuyển, lưu giữ và tiêu hủy hàng vi phạm), khiến hầu hết các chủ thể có tâm lý ỷ lại, lạm dụng kê hồ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Về cách thức giải quyết tranh chấp

Các vụ kiện về tranh chấp quyền sáng chế tại Hoa Kỳ rất phức tạp, phải động chạm đến bí mật và tài liệu nội bộ của các bên, bao gồm cả các hồ sơ nhạy cảm (về tài chính, kế hoạch, chiến lược, hoạt động nghiên cứu và

phát triển). Việc luật sư và chuyên gia các bên được tiếp cận những tài liệu nêu trên được coi là cơ sở để tiến hành các biện pháp triển khai phù hợp, đảm bảo tính minh bạch của các hoạt động tranh tụng, cũng như tính chính xác trong phán quyết tại tòa án. Trong quá trình tố tụng, thẩm phán và bồi thẩm đoàn được hỗ trợ tối đa để có thể có kết luận đúng về bản chất của tranh chấp thông qua đội ngũ chuyên gia của các bên và chuyên gia độc lập của tòa án. Các vấn đề phức tạp về sáng chế và công nghệ được đội ngũ này phân tích cặn kẽ, giúp bồi thẩm đoàn nắm bắt, hệ thống lại thông tin và đưa ra quyết định phù hợp nhất. Và như vậy, nên dù nội dung các vụ kiện tranh chấp quyền sáng chế tại Hoa Kỳ thường rất phức tạp nhưng kết quả giải quyết lại rất “thấu tình đạt lý”.

Trong khi tại Việt Nam, tòa án chưa có nhiều kinh nghiệm về giải quyết tranh chấp quyền sáng chế, chưa có quy định về việc các bên phải cung cấp tài liệu như ở Hoa Kỳ, cũng không có các chuyên gia độc lập của 3 bên làm nhân chứng hoặc các chuyên gia tư vấn kỹ thuật giúp thẩm phán (và các hội thẩm nhân dân) hiểu và giải quyết các vấn đề đúng bản chất, đảm bảo tính khách quan. Hiện tại, việc xác định hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế (nếu có) tại tòa án phụ thuộc phần lớn vào ý kiến chuyên môn của một đơn vị có chức năng về vấn đề này, nên trong một số trường hợp là duy ý chí và không toàn diện.

Thêm nữa, bản thân cụm từ “xử lý xâm phạm quyền” trong biện pháp hành chính cho thấy vị thế không cân bằng giữa các bên, dường như bên bị yêu cầu xử lý mặc nhiên bị coi là bên vi phạm. Dù Nghị định 99/2013/NĐ-CP cũng có một số nội dung cho phép bên bị yêu cầu xử lý có quyền giải trình, cung cấp

chứng cứ chứng minh mình không vi phạm. Nhưng trên thực tế theo trình tự hành chính, bên bị yêu cầu xử lý vẫn khá thiệt thòi do không có quyền phản tố hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp chủ thể quyền sáng chế lạm quyền. Trong bối cảnh Việt Nam là nước nhập khẩu công nghệ, nhiều khả năng các tổ chức/cá nhân Việt Nam là bên bị yêu cầu xử lý (trong biện pháp hành chính) hoặc bị đơn (trong biện pháp dân sự) do đang khai thác các giải pháp kỹ thuật trùng hoặc tương đương với các sáng chế đang được bảo hộ của nước ngoài. Với trình tự giải quyết đơn giản như đã phân tích ở trên thì bên thua thiệt sẽ là các tổ chức/cá nhân của Việt Nam.

Về hiệu quả của hệ thống giải quyết tranh chấp

Mặc dù việc giải quyết tranh chấp sáng chế tại Hoa Kỳ là tốn kém, phức tạp và kéo dài, nhưng mang lại hiệu quả rất lớn. Bằng quá trình tìm hiểu, xác minh công phu, với cơ chế xét xử bồi thẩm đoàn 2 cấp, hệ thống giải quyết tranh chấp sáng chế ở Hoa Kỳ thể hiện được sự công bằng trong xử lý các vụ tranh chấp với hiệu quả cao nhất, và đưa ra mức bồi thường thiệt hại thỏa đáng. Đặc biệt, kết quả nhiều vụ giải quyết tranh chấp sáng chế tại Hoa Kỳ còn góp phần hoàn thiện luật pháp, quy định do xử lý hiệu quả một số vụ việc chưa có tiền lệ. Theo kinh nghiệm giải quyết tranh chấp của Hoa Kỳ, không có công nghệ/sản phẩm nào là ngoại lệ, kể cả các công nghệ mới mà trước đó loài người chưa từng biết đến. Ví dụ, việc tranh chấp quyền sử dụng chủng vi sinh được tạo ra bởi Chakrabarty (một nhà sáng chế Hoa Kỳ) đã dẫn tới việc ra đời quyết định mang tính bước ngoặt của Tòa án tối cao Hoa Kỳ khi công nhận cấp bằng độc quyền sáng chế cho sản phẩm này (trước đó các chủng

vi sinh không phải là đối tượng bảo hộ sáng chế tại Hoa Kỳ). Chính nhờ tính hiệu quả trong hoạt động của tòa án từ vụ việc này đã mở ra một cuộc đua bảo hộ sáng chế, đồng thời góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển ở quốc gia này. Thành công của các vụ kiện sáng chế còn góp phần nâng cao ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, giúp nhiều công ty mới thành lập nhưng sở hữu các sáng chế mang tính đột phá nhanh chóng khẳng định được tên tuổi. Có thể nói giải quyết tranh chấp sáng chế tại Hoa Kỳ có ảnh hưởng đến hầu hết các lĩnh vực kinh doanh, các ngành công nghiệp và sự phát triển của toàn xã hội.

Trong khi đó, tại Việt Nam, tòa án vẫn chưa có nhiều vai trò trong việc giải quyết các tranh chấp sáng chế do không được các chủ thể (đa phần là các công ty nước ngoài) tin tưởng lựa chọn. Mặt khác, cách xử lý xâm phạm quyền sáng chế bằng biện pháp hành chính như đang tiến hành ở nước ta mới đủ để đáp ứng các yêu cầu khi Việt Nam gia nhập WTO, chưa hài hòa được với lợi ích của cộng đồng, đặc biệt là trong lĩnh vực dược phẩm. Việc xác định hành vi xâm phạm theo nguyên tắc tương đương đang được các cơ quan chuyên môn áp dụng khá dễ dãi mà chưa có các nghiên cứu và lý luận cụ thể. Cần lưu ý rằng, trong nhiều trường hợp, áp dụng nguyên tắc tương đương một cách "hào phóng" sẽ mang lại sự thua thiệt cho các nhà sản xuất trong nước khi muốn nắm bắt cơ hội để khai thác thành tựu khoa học và công nghệ mới.

Đề xuất một số giải pháp

Qua phân tích những hạn chế trong giải quyết tranh chấp sáng chế tại Việt Nam từ kinh nghiệm thực tiễn của Hoa Kỳ, với mục tiêu ưu tiên sử dụng một cách hiệu quả các thành tựu khoa học và công

nghệ vì lợi ích cộng đồng, Việt Nam có thể hoàn thiện nội luật theo hướng:

Một là, về mặt tổng thể, Việt Nam cần hạn chế dần việc áp dụng hình thức xử lý xâm phạm quyền sáng chế bằng biện pháp hành chính, từng bước chuyển dịch sang cơ chế giải quyết tranh chấp tại tòa án, hướng tới sự hài hòa giữa lợi ích cộng đồng với lợi ích của chủ thể. Điều này sẽ giúp hệ thống giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam tương đồng với hệ thống giải quyết tranh chấp trên thế giới, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của chủ sở hữu, trả lại vị thế ngang bằng cho các bên, đảm bảo bên bị thiệt hại sẽ được bồi thường thỏa đáng.

Hai là, về quy định chi tiết, Việt Nam cần quy định chi tiết về việc áp dụng nguyên tắc tương đương theo hướng có lợi cho quá trình phát triển sản xuất trong nước. Ví dụ, trong trường hợp các tổ chức/cá nhân trong nước sử dụng các giải pháp kỹ thuật trùng (đồng nhất) với sáng chế đang được bảo hộ thì hành vi đó bị xem là xâm phạm. Nhưng trường hợp các tổ chức/cá nhân trong nước sử dụng các giải pháp kỹ thuật tương đương với sáng chế đang được bảo hộ thì cần được các cơ quan chức năng xem xét kỹ lưỡng, đưa ra quyết định hợp lý để cân bằng lợi ích cộng đồng. Do đó, cần quy định điều kiện cụ thể cho việc áp dụng nguyên tắc tương đương trong việc xác định xâm phạm quyền sáng chế, đặc biệt là sáng chế trong lĩnh vực dược phẩm.

Ba là, về một số nội dung khác, bên cạnh việc nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp của tòa án, Việt Nam cần bảo lưu quan điểm không mở rộng phạm vi bảo hộ sáng chế dược và chú trọng nội luật hóa việc khai thác các "ngoại lệ" được phép trong sử dụng sáng

chế đã được bảo hộ. Bởi theo các quy định của TRIPS, chủ sở hữu sáng chế có độc quyền khai thác và sử dụng trong 20 năm; sau thời gian đó, sáng chế thuộc về cộng đồng, các nhà sản xuất khác có thể tự do khai thác và sử dụng sáng chế do đã hết thời hạn bảo hộ. Đối với các nước đang phát triển thì điều này có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất dược phẩm. Trong khi năng lực nghiên cứu của các nhà sản xuất trong nước còn hạn chế, việc sử dụng các sáng chế đã hết thời hạn bảo hộ để sản xuất các dược chất tương tự (còn gọi là thuốc generic) là con đường nhanh và hiệu quả nhất để người dân có thể được tiếp cận với thuốc giá rẻ. Tuy nhiên, dưới áp lực của các tập đoàn dược lớn, các nước phát triển tỏ ra rất cứng rắn, muốn áp dụng triệt để quy định TRIPS và áp đặt TRIPS+ trong các hiệp định thương mại quốc tế để kéo dài thời gian bảo hộ sáng chế của các dược phẩm (được biết đến với thuật ngữ "evergreening").

Nhìn chung, mọi cam kết quốc tế hay quy định pháp luật quốc gia đều có một mục tiêu chung là hướng tới sự phát triển ổn định, đảm bảo một cách tốt nhất trong điều kiện có thể các quyền lợi về vật chất và tinh thần của người dân. Trên cơ sở đó, các thiết chế xã hội (trong đó có cơ chế giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ nói chung và giải quyết tranh chấp sáng chế nói riêng) cần phải được đảm bảo để góp phần thực hiện mục tiêu này. Xây dựng một cơ chế giải quyết tranh chấp sáng chế với các quy định hợp lý, giúp tranh thủ thời cơ để phát triển đất nước, đảm bảo an sinh xã hội đang là nhiệm vụ cấp bách hiện nay ✍